

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Hải Phòng - 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG
VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP TẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Duy Thành
Giáo viên hướng dẫn : ThS.Nguyễn Thị Thúy Hồng**

Hải Phòng – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Duy Thành

Mã SV: 1812401020

Lớp : QT2201K

Ngành : Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp vừa và nhỏ
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng
- ✓ Đánh giá ưu, nhược điểm của công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng, qua đó làm cơ sở để đề xuất biện pháp giúp đơn vị thực tập hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2021 phục vụ công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Cổ phần thương mại Quế phòng

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 04 tháng 04 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 06 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	9
LỜI MỞ ĐẦU	10
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	11
1.1. Một số vấn đề lý luận chung về tiền lương trong DN vừa và nhỏ....	11
<i>1.1.1. Khái niệm tiền lương.....</i>	<i>11</i>
<i>1.1.2. Vai trò và chức năng của tiền lương.....</i>	<i>11</i>
<i>1.1.2.1. Vai trò của tiền lương.....</i>	<i>11</i>
<i>1.1.2.2. Chức năng của tiền lương.....</i>	<i>12</i>
<i>1.1.3. Quỹ tiền lương.....</i>	<i>13</i>
<i>1.1.4. Các hình thức trả lương.....</i>	<i>14</i>
<i>1.1.4.1. Trả lương theo sản phẩm.....</i>	<i>14</i>
<i>1.1.4.2. Trả lương theo thời gian.....</i>	<i>15</i>
<i>1.1.4.3. Trả lương khoán.....</i>	<i>17</i>
<i>1.1.4.4. Trả lương theo doanh thu.....</i>	<i>17</i>
1.2. Một số vấn đề chung lý luận chung về các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	18
1.2.1. Khái niệm các khoản trích theo lương.....	18
<i>1.2.1.1. Quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH).....</i>	<i>18</i>
<i>1.2.1.2. Quỹ bảo hiểm y tế. (BHYT).....</i>	<i>19</i>
<i>1.2.1.3. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. (BHTN).....</i>	<i>20</i>
<i>1.2.1.4. Quỹ kinh phí công đoàn (KPCĐ).....</i>	<i>20</i>
1.2.2. Tỷ lệ các trích theo lương theo quy định trong năm 2021.....	21
<i>1.2.2.1. Giai đoạn 01/01/2021 đến 30/06/2021.....</i>	<i>21</i>
<i>1.2.2.2. Giai đoạn 01/07/2021 đến hết 30/09/2021.....</i>	<i>22</i>
<i>1.2.2.3. Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2022.....</i>	<i>22</i>

1.3. Tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	22
1.3.1. Chứng từ sử dụng.....	23
1.3.2. Tài khoản sử dụng.....	23
1.3.3. Phương pháp phản ánh các nghiệp vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong DN vừa và nhỏ	25
1.4. Hệ thống sổ sách sử dụng trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại DN vừa và nhỏ	26
1.4.1. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Nhật ký chung.....	26
1.4.2. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Chứng từ ghi sổ	27
1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Nhật ký - sổ cái	29
1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Kế toán máy	30
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG.....	31
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.....	31
2.1.1. Thông tin cơ bản về công ty cổ phần thương mại Quế Phòng	31
□ Ngành nghề kinh doanh.....	32
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	33
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Quế Phòng.....	35
2.1.5. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	36
2.2. Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng	38

2.2.1. Tổ chức quản lý lao động tại công ty.....	38
2.2.2. Quy trình kế toán tiền lương.	39
2.2.2.1. Hình thức trả lương tại công ty.	39
2.2.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	39
2.2.2.3. Quy trình hạch toán.....	40
2.2.3. Quy trình kế toán các khoản trích theo lương.....	42
2.2.3.1. Các khoản trích theo lương trong năm 2021 tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng,	42
2.2.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	43
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.....	44
2.2.4. Ví dụ của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	45
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG.....	61
3.1. Nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.	61
3.1.1. Ưu điểm.....	61
3.1.2. Nhược điểm.	61
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.	62
KẾT LUẬN.....	67

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DN	Doanh nghiệp
TK	Tài khoản
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
CNV	Công nhân viên

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với doanh nghiệp, tiền lương và các khoản trích theo lương là một trong những chi phí chính tạo nên giá trị của sản phẩm và dịch vụ. Nếu doanh nghiệp vận dụng tốt công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương một cách hợp lý sẽ giúp kích thích năng suất lao động của công nhân, qua đó nâng cao lợi nhuận trong doanh nghiệp.

Chính vì vậy, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương đóng vai trò vô cùng quan trọng trong doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp cần phải xây dựng một chế độ tiền lương một cách hợp lý phù hợp với đặc điểm và tình hình của doanh nghiệp, tham gia và thực hiện các khoản trích theo lương theo quy định của nhà nước đưa ra.

Trong thời gian thực tập tại “Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng” em đã được tìm hiểu và tham gia vào quá trình kế toán tại công ty. Nhận thấy công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở công ty còn nhiều thiếu sót cần phải cải thiện. Do đó, em chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng” để đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty. Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số vấn đề lý luận chung về tiền lương trong DN vừa và nhỏ.

1.1.1. Khái niệm tiền lương.

- Tiền lương là sự trả công hoặc thu nhập, bất kể tên gọi hay cách tính mà có thể biểu hiện bằng tiền mặt và được ấn định bằng thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động hoặc bằng pháp luật quốc gia, do người sử dụng lao động phải trả cho người lao động theo một hợp đồng thuê mướn lao động, bằng viết hoặc bằng lời nói cho một công việc đã thực hiện hoặc sẽ phải thực hiện, hoặc cho những dịch vụ đã làm hay sẽ phải làm.

Một số quy định về tiền lương:

- Mức lương theo công việc hoặc chức danh không được thấp hơn mức lương tối thiểu.
- Người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau.
- Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thoả thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc.
- Tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và tiền lương trả cho người lao động bằng tiền Đồng Việt Nam, trường hợp người lao động là người nước ngoài tại Việt Nam thì có thể bằng ngoại tệ.
- Người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận về hình thức trả lương theo thời gian, sản phẩm hoặc khoán.
- Tiền lương được trả bằng tiền mặt hoặc trả qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng.
- Tiền lương làm thêm giờ sẽ được tính dựa trên điều 98 bộ luật lao động năm 2019.

1.1.2. Vai trò và chức năng của tiền lương.

1.1.2.1. Vai trò của tiền lương.

Vai trò quan trọng nhất của tiền lương là làm thỏa mãn nhu cầu của người lao động bởi người lao động đi làm mục đích chính là để nhận được một khoản thù lao để tạo ra thu nhập và sử dụng nó để trang trải cuộc sống. Đồng thời, đối

với doanh nghiệp tiền lương là khoản chi phí mà doanh nghiệp cần phải chi trả cho người lao động vì họ đã góp phần tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Tiền lương được coi như là cầu nối giữa người lao động với doanh nghiệp, người sử dụng lao động. Trong công việc trả lương cho người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp cần tính toán một cách hợp lý để đôi bên đều có lợi. Bởi nếu như tiền lương trả cho người lao động không hợp lý sẽ làm cho họ không có động lực làm việc, không đảm bảo được kỷ luật lao động, ngày công cũng như chất lượng lao động. Điều này dẫn đến doanh nghiệp không đạt được mức tiết kiệm chi phí lao động cũng như lợi nhuận cần có để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển. Như vậy cả doanh nghiệp và người lao động đều không có lợi.

1.1.2.2. Chức năng của tiền lương.

- Chức năng tái sản xuất sức lao động

Sức lao động là yếu tố quan trọng nhất của lực lượng sản xuất để đảm bảo tái sản xuất và sức lao động cũng như lực lượng sản xuất xã hội, tiền lương cần thiết phải đủ nuôi sống người lao động và gia đình họ. Đặc biệt khi tiền lương là nguồn thu nhập chính của người lao động.

Vì vậy để thực hiện được chức năng này người sử dụng lao động không được trả lương thấp hơn mức lương tối thiểu. Mức lương tối thiểu là mức lương thấp nhất được trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

- Chức năng kích thích sản xuất:

Chính sách tiền lương đúng đắn là động lực to lớn nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Vì vậy, tổ chức tiền lương sẽ thúc đẩy và khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hạn chế sự thiếu chủ động trong công việc của công nhân, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của công ty.

- Chức năng thước đo giá trị:

Khi tiền lương mà doanh nghiệp trả cho người lao động tương ứng với giá trị sức lao động mà họ bỏ ra trong quá trình thực hiện công việc ta có thể xác định được hao phí lao động của toàn thể cộng đồng thông qua tổng quỹ lương cho toàn thể người lao động. Điều này cũng có nghĩa là công tác thống kê sẽ giúp

cho nhà nước có thể hoạch định các chính sách điều chỉnh mức lương tối thiểu nhằm đảm bảo hợp lý thực tế phù hợp với chính sách của nhà nước.

- Chức năng tích lũy:

Bảo đảm tiền lương của người lao động duy trì được cuộc sống hàng ngày và còn có thể dự phòng cho cuộc sống lâu dài khi họ hết khả năng lao động hoặc xảy ra những bất trắc.

- Chức năng điều tiết lao động.

Trong việc thực hiện kế hoạch cân đối giữa các ngành, nghề ở các khu vực trên toàn quốc, nhà nước thường thông qua hệ thống thang bảng lương, các chế độ phụ cấp cho từng ngành nghề, khu vực để làm công cụ điều tiết lao động. Nhờ vậy, tiền lương cũng góp phần tạo ra một cơ cấu hợp lý để phát triển xã hội.

- Công cụ quản lý nhà nước.

Nhà nước ban hành Luật lao động để bảo vệ quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động để từ đó tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định nhằm góp phần phát huy trí sáng tạo và tài năng của người lao động nhằm đạt mục tiêu của doanh nghiệp về năng suất, chất lượng lao động, tiến bộ xã hội,...

1.1.3. Quỹ tiền lương.

Quỹ tiền lương là toàn bộ tiền lương của doanh nghiệp trả cho tất cả các loại lao động thuộc doanh nghiệp quản lý và sử dụng bao gồm tiền lương và các khoản trợ cấp, phụ cấp, tiền thưởng hoặc các loại tiền khác.

Thành phần quỹ lương thuộc doanh nghiệp bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Tiền lương tính theo thời gian, tiền lương tính theo sản phẩm và tiền lương khoán.
- Tiền lương trả cho người lao động sản xuất ra sản phẩm hỏng trong phạm vi chế độ quy định.
- Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất do nguyên nhân khách quan, trong thời gian được điều động đi công tác làm nghĩa vụ theo chế độ quy định, thời gian nghỉ phép, thời gian đi học.
- Tiền ăn trưa, ăn ca.
- Các loại phụ cấp làm thêm giờ, làm thêm...
- Các khoản tiền thưởng có tính chất thường xuyên.

Ngoài ra, trong quỹ tiền lương kế hoạch còn được tính cả khoản tiền chi trợ cấp bảo hiểm xã hội cho công nhân viên trong thời gian ốm đau, thai sản, tai nạn lao động,...

1.1.4. Các hình thức trả lương.

1.1.4.1. Trả lương theo sản phẩm

Lương theo sản phẩm là hình thức trả lương mà người sử dụng lao động thực hiện cho người lao động căn cứ vào số lượng, chất lượng sản phẩm mà người sử dụng lao động yêu cầu người lao động làm ra và đơn giá sản phẩm được giao. Yêu cầu bắt buộc để thực hiện trả lương theo sản phẩm là người sử dụng lao động phải xây dựng định mức khoán sản phẩm cho người lao động trong một đơn vị thời gian nhất định và xác định đơn giá tiền lương trên một đơn vị sản phẩm.

Tiền lương của người lao động sẽ phụ thuộc trực tiếp vào số lượng sản phẩm hợp lệ mà họ đã sản xuất ra và được người sử dụng lao động chấp nhận và đơn giá tiền lương mà người sử dụng lao động áp dụng vào sản phẩm đó. Nếu người lao động làm nhiều sản phẩm, đơn giá càng cao thì tiền lương của họ càng cao.

- Cách tính lương theo sản phẩm.

+ Tiền lương sản phẩm trực tiếp của cá nhân.

Lương sản phẩm = số lượng sản phẩm hoàn thành x đơn giá sản phẩm

+ Tiền lương theo sản phẩm tập thể.

Lương lương sản phẩm = Số lượng sản phẩm hoàn thành chung của tập thể x đơn giá sản phẩm.

+ Tiền lương theo sản phẩm gián tiếp.

Lương theo theo sản phẩm gián tiếp = đơn giá sản phẩm phục vụ x số sản phẩm mà công nhân chính đạt được

Trong đó: Đơn giá sản phẩm là số tiền mà người sử dụng lao động phải trả cho người lao động khi hoàn thành một sản phẩm như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

+ Tiền lương làm thêm giờ

Tiền lương làm thêm giờ = Đơn giá tiền lương sản phẩm của ngày làm việc bình thường x Mức ít nhất 150% hoặc 200% hoặc 300% x Số sản phẩm làm thêm

Cụ thể:

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;
- Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;
- Vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.

+ Lương làm ban đêm.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tiền lương} & & \text{Đơn giá tiền lương} & & \text{Đơn giá tiền lương} & & \text{Số sản} \\ \text{làm việc} & & \text{sản phẩm của ngày} & & \text{sản phẩm của ngày} & & \text{phẩm làm} \\ \text{vào ban} & = & \text{làm việc bình} & + & \text{làm việc bình} & \times & \text{phẩm làm} \\ \text{đêm} & & \text{thường} & & \text{thường} & \times & \text{vào ban} \\ & & & & & & \text{đêm} \\ & & & & & \text{Mức ít} & \\ & & & & & \text{nhất} & \\ & & & & & 30\% & \end{array}$$

- Ưu điểm:

Khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, trình độ tay nghề, sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị; thúc đẩy việc cải tiến sản xuất tổ chức lao động ở các phân xưởng, tổ công nhân; thúc đẩy công tác kiện toàn định mức, kiểm tra chất lượng sản phẩm; kết hợp hài hòa các lợi ích: nhà nước, tập thể và người lao động.

- Nhược điểm:

Áp dụng hình thức này thường hay gây ra tâm lí chạy theo số lượng mà ít quan tâm đến chất lượng và sử dụng tiết kiệm vật tư...

1.1.4.2. Trả lương theo thời gian

Lương thời gian là tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào mức lương thỏa thuận hoặc mức lương theo ngạch, bậc lương và thời gian làm việc thực tế của người lao động.

- Cách tính lương theo thời gian.

Đối với mỗi loại lương thời gian, sẽ được áp dụng một cách tính khác nhau, dưới đây là chi tiết cách tính đối với mỗi loại:

+ Lương tháng

Lương tháng = Lương năm / ngày công chuẩn x số ngày làm việc thực tế.

Ngày công chuẩn là số ngày công hành chính trong tháng, theo quy định số ngày công này không được vượt quá 26 ngày.

+ Lương tuần

Tính lương tuần được xác định theo tiền lương tháng:

$$\text{Tiền lương tuần} = (\text{Tiền lương tháng} \times 12 \text{ tháng}) / 52 \text{ tuần.}$$

+ Lương ngày

Tính lương ngày được quy định tại Điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH:

Tiền lương ngày = Tiền lương tháng / số ngày làm việc bình thường trong tháng

+ Lương giờ

Tính lương giờ = tiền lương ngày / số giờ làm việc bình thường.

Về lương giờ, Điều 104 của Bộ luật lao động được quy định rõ không được làm quá 8 tiếng 1 ngày và 48 giờ trong 1 tuần. Tuy nhiên, chủ doanh nghiệp có thể quy định việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần. Đối với các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm sẽ không được làm quá 6 tiếng 1 ngày.

+ Lương làm thêm giờ

Tiền lương làm thêm giờ	=	Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường	x	Mức ít nhất 150% hoặc 200% hoặc 300%	x	Số giờ làm thêm
-------------------------	---	--	---	--------------------------------------	---	-----------------

Cụ thể:

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;
- Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;
- Vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.

+ Làm việc vào ban đêm

Tiền lương làm việc vào ban đêm	=	Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường	+	Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường	x	Mức ít nhất 30%	x	Số giờ làm việc vào ban đêm
---------------------------------	---	--	---	--	---	-----------------	---	-----------------------------

- Ưu điểm:
 - Hình thức trả lương thời gian là dễ hiểu, dễ tính và dễ thực hiện.
 - Khi áp dụng hình thức này, người lao động sẽ không cần phải chạy theo chỉ tiêu vì vậy quỹ thời gian sẽ thoải mái hơn, tích lũy được nhiều kinh nghiệm và đầu tư được nhiều hơn vào chất lượng công việc.

- Nhược điểm:

Mức lương nhận được của người lao động có thể không tương xứng với sự đóng góp của họ khi làm việc. Nếu xuất hiện hạn chế này, doanh nghiệp hoàn toàn có thể khắc phục bằng cách kết hợp giữa trả lương và thưởng cho người lao động để khuyến khích tinh thần làm việc.

1.1.4.3. Trả lương khoán.

Là hình thức trả lương khi người lao động hoàn thành được khối công việc theo đúng chất lượng và người sử dụng lao động sẽ trả lương theo đúng thỏa thuận giữ người sử dụng lao động và người lao động.

- Công thức tính

Lương khoán = Mức lương khoán x Tỷ lệ % sản phẩm hoàn thành

- Ưu điểm.

Đễ dàng cho người lao động và người sử dụng lao động trong việc thỏa thuận đơn giá để thực hiện công việc.

- Nhược điểm.

Người sử dụng lao động cần phải ứng trước một khoản tiền cho người lao động nếu như thời gian thực hiện công việc trong một khoảng thời gian dài.

1.1.4.4. Trả lương theo doanh thu.

Là hình thức trả lương mà thu nhập người lao động phụ thuộc vào doanh số đạt được theo mục tiêu doanh số và chính sách lương, thưởng doanh số quy định của công ty.

- Công thức tính lương theo doanh thu.

Lương doanh thu = Lương cứng hàng tháng + % doanh số bán hàng.

Trong đó:

Lương cứng hàng tháng: Là khoản lương được thỏa thuận ngay từ đầu theo chính sách của công ty.

% Doanh số bán hàng: Là % tính theo doanh số mỗi nhân viên đạt được.

- Lợi ích của trả lương theo doanh thu.

- Với người lao động: Được nhận thù lao tương xứng với sức lao động mình bỏ ra. Đồng thời, còn có cơ hội nhận thêm phần thưởng khi đạt doanh số ở mức cao theo chính sách lương thưởng của mỗi công ty.

- Với doanh nghiệp: Giảm thiểu tối đa các rủi ro, thâm hụt ngân quỹ khi doanh nghiệp ở trong giai đoạn làm ăn chậm phát triển. Đồng thời, hạn chế việc

nhân viên làm việc thiếu trách nhiệm với công việc khiến cho tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp bị trì trệ, kém phát triển.

1.2. Một số vấn đề chung lý luận chung về các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Khái niệm các khoản trích theo lương.

1.2.1.1. Quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH)

Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Căn cứ Điều 3 Luật BHXH năm 2014, bảo hiểm xã hội gồm 02 loại: BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện. Trong đó từng loại hình bảo hiểm được hiểu như sau:

Bảo hiểm xã hội bắt buộc là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia.

Bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.

Các thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội gồm có:

- + Quỹ ốm đau và thai sản.
- + Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- + Quỹ hưu trí và tử tuất.
- Mức đóng bảo hiểm xã hội năm 2021.

Theo quy định hiện hành, 1/6/2017 theo QĐ 595/QĐ-BHXH của Nhà nước, BHXH được hình thành bằng cách trích 25,5% trên tổng số tiền lương phải trả cho nhân viên trong từng thời kì trong đó:

- 17,5% do người sử dụng lao động đóng và khoản này được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- 8 % do người lao động đóng và khoản này trừ vào thu nhập của người lao động

Nhưng trong năm 2021 Do tình hình phức tạp của dịch covid nên căn cứ vào Theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 thì người sử dụng lao động được áp dụng mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH

vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN trong 12 tháng (thời gian từ ngày 1/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022)

Biểu 1.1: Bảng tỷ lệ trích theo lương của bảo hiểm xã hội năm 2021

	Từ 01/01 đến 30/6			Từ 01/07 đến 31/12		
	Hưu trí tử tuất	Ốm đau thai sản	Tai nạn lao động	Hưu trí tử tuất	Ốm đau thai sản	Tai nạn lao động
Doanh nghiệp đóng	14%	3%	0.5%	14%	3%	0%
Trừ vào lương CNV	8%	0%	0%	8%	0%	0%
Tổng cộng	22%	3%	0.5%	22%	3%	0%

1.2.1.2. Quỹ bảo hiểm y tế. (BHYT)

Quỹ BHYT là quỹ dùng để đài thọ cho người lao động có tham gia đóng góp các quỹ trong hoạt động khám chữa bệnh, được hình thành bằng cách trích 4,5% trên tổng quỹ lương cấp bậc.

Quỹ BHYT được nộp lên cơ quan chuyên môn (thường dưới hình thức mua BHYT) để bảo vệ chăm sóc sức khỏe công nhân viên.

Quỹ BHYT được chi cho người lao động thông qua mạng lưới y tế, khi người lao động ốm đau thì mọi chi phí về khám chữa bệnh đều được cơ quan BHYT chi trả thông qua dịch vụ khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế chứ không chi trả trực tiếp cho bệnh nhân (người lao động).

- Mức đóng bảo hiểm y tế
 - 3% do người sử dụng lao động đóng và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
 - 1,5% do người lao động đóng góp và khấu trừ vào tiền lương.

Biểu 1.2: Tỷ lệ trích bảo hiểm y tế năm 2021

	Doanh nghiệp đóng	Trừ vào lương CNV
Bảo hiểm y tế	3%	1.5%

1.2.1.3. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. (BHTN)

Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là một trong những chế độ của bảo hiểm xã hội (BHXH) được Nhà nước tổ chức và quản lý nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

BHTN là một chính sách của Nhà nước giúp cho người lao động có việc làm để có thể tự chăm lo cho cuộc sống bản thân khi chẳng may thất nghiệp và nhìn rộng hơn nữa là tạo được một môi trường lao động lành mạnh cho cả xã hội, giảm thiểu tệ nạn xã hội có thể xảy ra khi người lao động không có một cơ chế an toàn. Bên cạnh đó, chính sách về BHTN còn gián tiếp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo cho người dân luôn có việc làm.

- Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp.
 - 1% do người sử dụng lao động đóng và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
 - 1% do người lao động đóng góp và khấu trừ vào tiền lương.

Do tình hình dịch COVID-19 trở nên phức tạp nên căn cứ theo Nghị Quyết 116/NQ – CP Ngày 24/09/2021: Giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động từ 1% xuống 0% từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/09/2022

Biểu 1.3: Tỷ lệ trích bảo hiểm thất nghiệp năm 2021

	Từ 01/01 đến 30/09	Từ 01/10 đến 31/12
Doanh nghiệp đóng	1%	0%
Trừ vào lương CNV	1%	1%
Tổng cộng	2%	1%

1.2.1.4. Quỹ kinh phí công đoàn (KPCĐ)

Là khoản tiền do chủ doanh nghiệp đóng để phục vụ cho hoạt động của tổ chức công đoàn. Quỹ KPCĐ được tính bằng 2% trên lương thực tế của người lao động, tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Quỹ KPCĐ được phân cấp quản lý và chi tiêu theo chế độ quy định: 1% nộp lên cấp trên, 1% chi cho hoạt động công đoàn cơ sở.

Đối tượng phải tham gia đóng kinh phí công đoàn là doanh nghiệp hoặc tổ chức hoặc người lao động không phân biệt có tổ chức công đoàn hay chưa có tổ chức công đoàn

- Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp.
- 2% do người sử dụng lao động đóng và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Biểu 1.4: Tỷ lệ trích kinh phí công đoàn năm 2021

	Doanh nghiệp đóng	Trừ vào lương CNV
Kinh phí công đoàn	2%	0%

1.2.2. Tỷ lệ các trích theo lương theo quy định trong năm 2021

1.2.2.1. Giai đoạn 01/01/2021 đến 30/06/2021

Biểu 1.5: Tỷ lệ các khoản trích theo lương từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/06/2021

	Bảo hiểm xã hội			BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng các khoản bảo hiểm
	Hưu trí tử tuất	Ốm đau thai sản	Tai nạn lao động				
Doanh nghiệp đóng	14%	3%	0,5%	3%	1%	2%	23,5%
Trừ vào lương CNV	8%	0%	0%	1,5%	1%	0%	10.5%
Tổng cộng	22%	3%	0,5%	4,5%	2%	2%	34%

1.2.2.2. Giai đoạn 01/07/2021 đến hết 30/09/2021

Biểu 1.6: Tỷ lệ các khoản trích theo lương từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/09/2021

	Bảo hiểm xã hội			BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng các khoản bảo hiểm
	Hưu trí tử tuất	Ốm đau thai sản	Tai nạn lao động				
Doanh nghiệp đóng	14%	3%	0%	3%	1%	2%	23%
Trừ vào lương CNV	8%	0%	0%	1,5%	1%	0%	10.5%
Tổng cộng	22%	3%	0%	4,5%	2%	2%	33.5%

1.2.2.3. Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2022

Biểu 1.7: Tỷ lệ các khoản trích theo lương từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 31/12/2021

	Bảo hiểm xã hội			BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng các khoản bảo hiểm
	Hưu trí tử tuất	Ốm đau thai sản	Tai nạn lao động				
Doanh nghiệp đóng	14%	3%	0%	3%	0%	2%	22%
Trừ vào lương CNV	8%	0%	0%	1,5%	1%	0%	10.5%
Tổng cộng	22%	3%	0%	4,5%	2%	2%	32.5%

1.3. Tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng chấm công
- Bảng chấm công thêm giờ
- Bảng thanh toán tiền lương.
- Bảng thanh toán tiền thưởng
- Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành
- Bảng phân bố lương.
- Bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương.
- Bảng thanh toán tiền bảo hiểm xã hội.

1.3.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 334: phải trả người lao động

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán lương cho người lao động của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các khoản khác phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

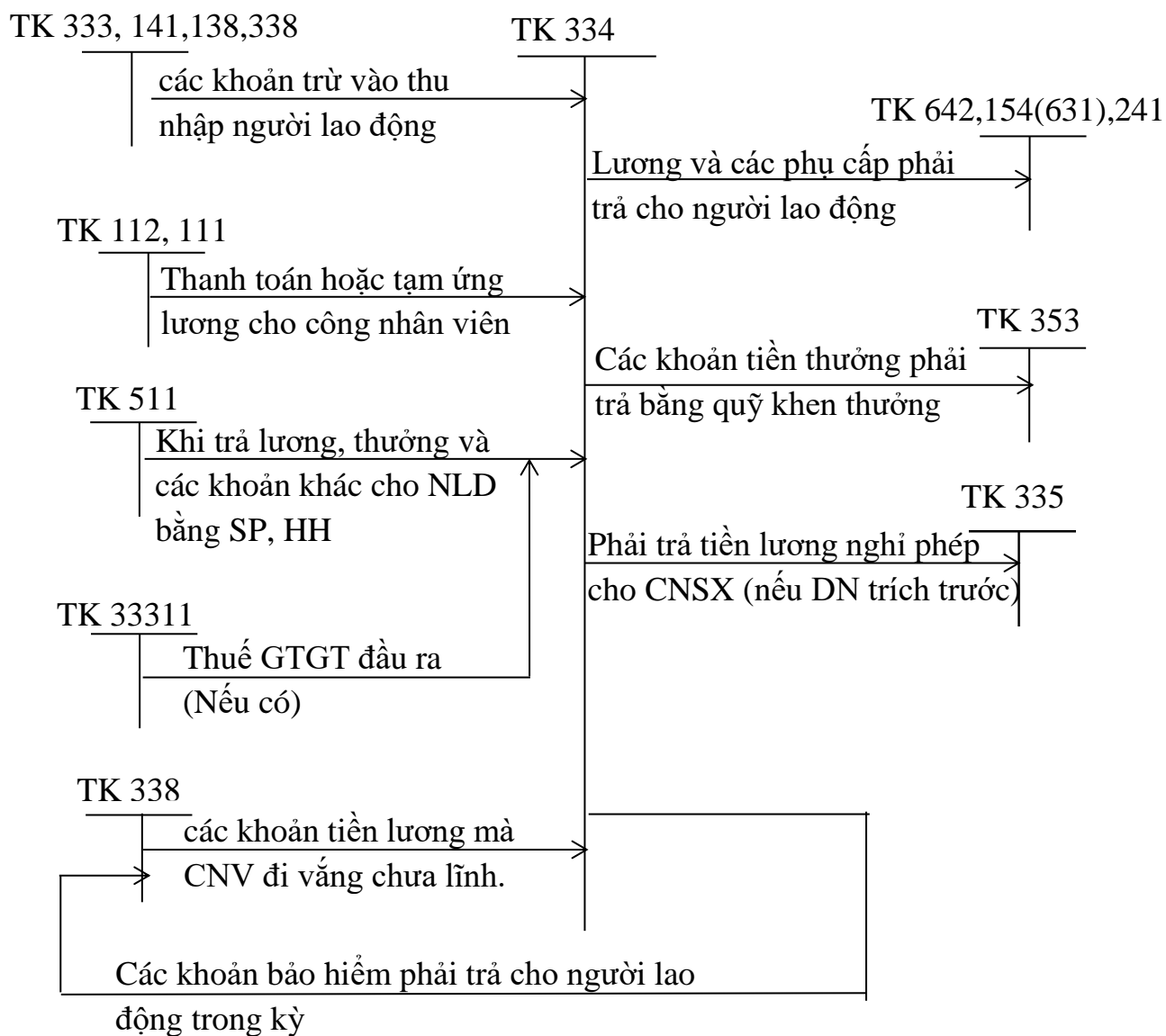
Nợ	TK 334	Có
SDDK: Số tiền trả thừa cho người lao động ở đầu kỳ.	SDDK: Tiền lương, tiền công, BHXH và các khoản khác còn phải trả người lao động ở đầu kỳ	
- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương, BHXH và các khoản khác đã trả, đã chi, đã ứng trước cho người lao động. - Các khoản khấu trừ vào tiền lương của người lao động	Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản khác phải trả, phải chi cho người lao động	
SDCK: Số tiền trả thừa cho người lao động ở cuối kỳ.	SDCK: Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương và các khoản khác còn phải trả cho người lao động ở cuối kỳ.	

- Tài khoản 338: Phải trả phải nộp khác.

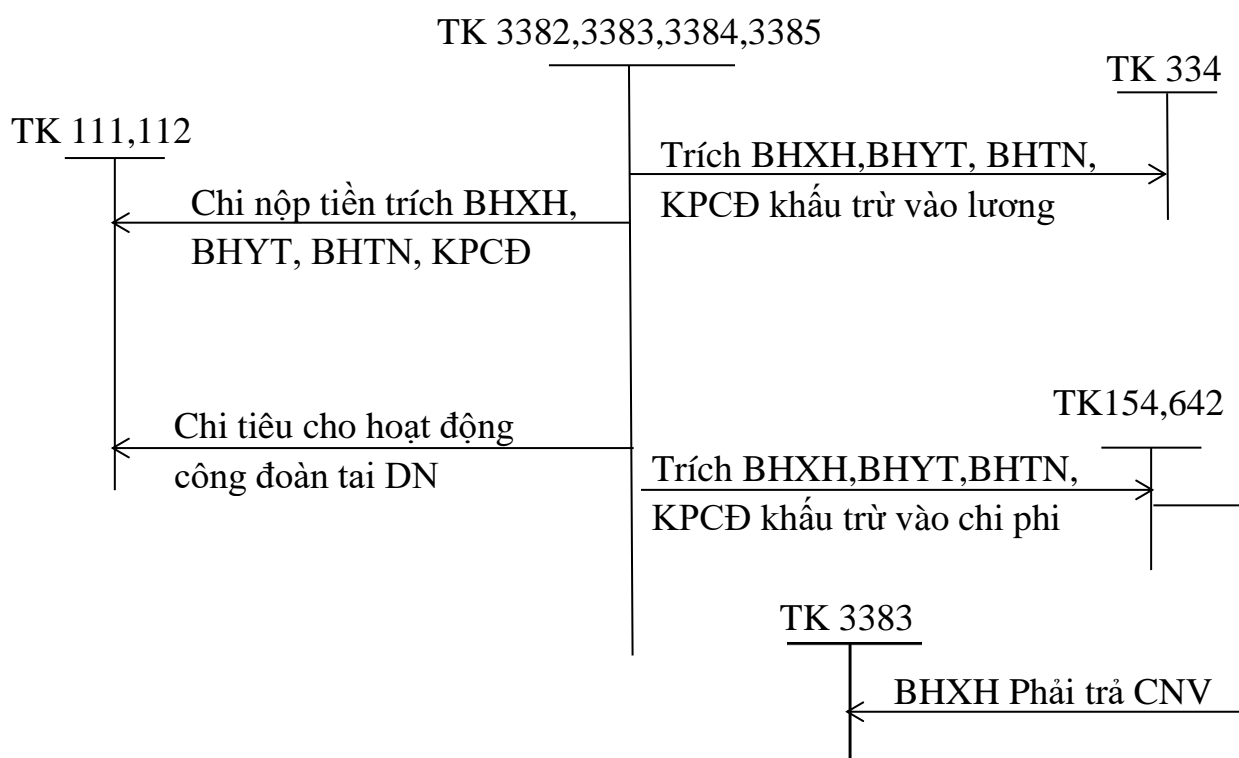
Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phải trả, phải nộp ngoài nội dung đã phản ánh ở các tài khoản khác thuộc nhóm TK 33 (từ TK 331 đến TK 337). Tài khoản này cũng được dùng để hạch toán doanh thu nhận trước về các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và các khoản chênh lệch giá phát sinh trong giao dịch bán thuê lại tài sản là thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.

Nợ	TK 338	Có
<p>SDĐK: Phản ánh số đã trả, đã nộp lớn hơn số phải trả, phải nộp, số chi bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn chi hộ, chi vượt chưa được cấp bù ở đầu kỳ.</p>	<p>SDĐK: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chi chưa hết ở đầu kỳ.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí công đoàn chi tại đơn vị. - BHXH phải trả trực tiếp cho người lao động - Số BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đã nộp cho cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. - BHXH, BHYT, BHTN khấu trừ vào lương CNV - KPCĐ vượt chi được cấp bù - Số BHXH đã chi trả CNV khi được cơ quan bảo hiểm thanh toán. 	
<p>SDĐK: Phản ánh số đã trả, đã nộp lớn hơn số phải trả, phải nộp, số chi bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn chi hộ, chi vượt chưa được cấp bù ở cuối kỳ.</p>	<p>SDĐK: Các khoản còn phải trả, phải nộp về BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ ở cuối kỳ.</p>	

1.3.3. Phương pháp phản ánh các nghiệp vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong DN vừa và nhỏ



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tiền lương trong DN vừa và nhỏ



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán tài khoản trích theo lương trong DN nhỏ và vừa

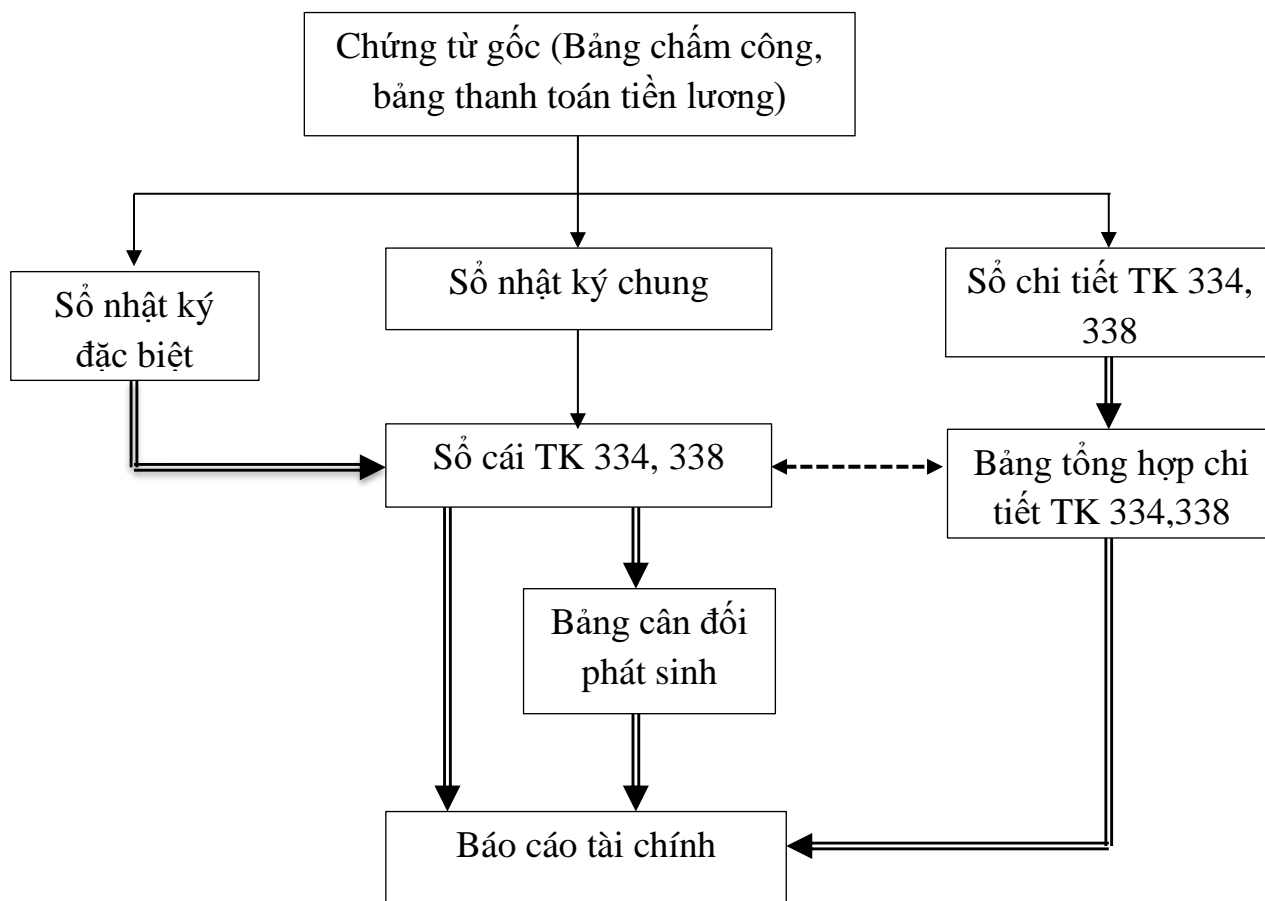
1.4. Hệ thống sổ sách sử dụng trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại DN vừa và nhỏ

1.4.1. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Nhật ký chung

Các loại sổ của hình thức này:

- Sổ nhật ký chung: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Bên cạnh đó, thực hiện việc phản ánh theo mối quan hệ đối ứng tài khoản để thực hành và ghi sổ cái.
- Sổ cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong liên độ kế toán theo tài khoản được mở.

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết: dùng để ghi chép chi tiết các đối tượng kế toán nhằm phục vụ yêu cầu thanh toán một số chỉ tiêu tổng hợp, phân tích và kiểm tra của DN mà các sổ sách tổng hợp không đáp ứng được.



Ghi chú:

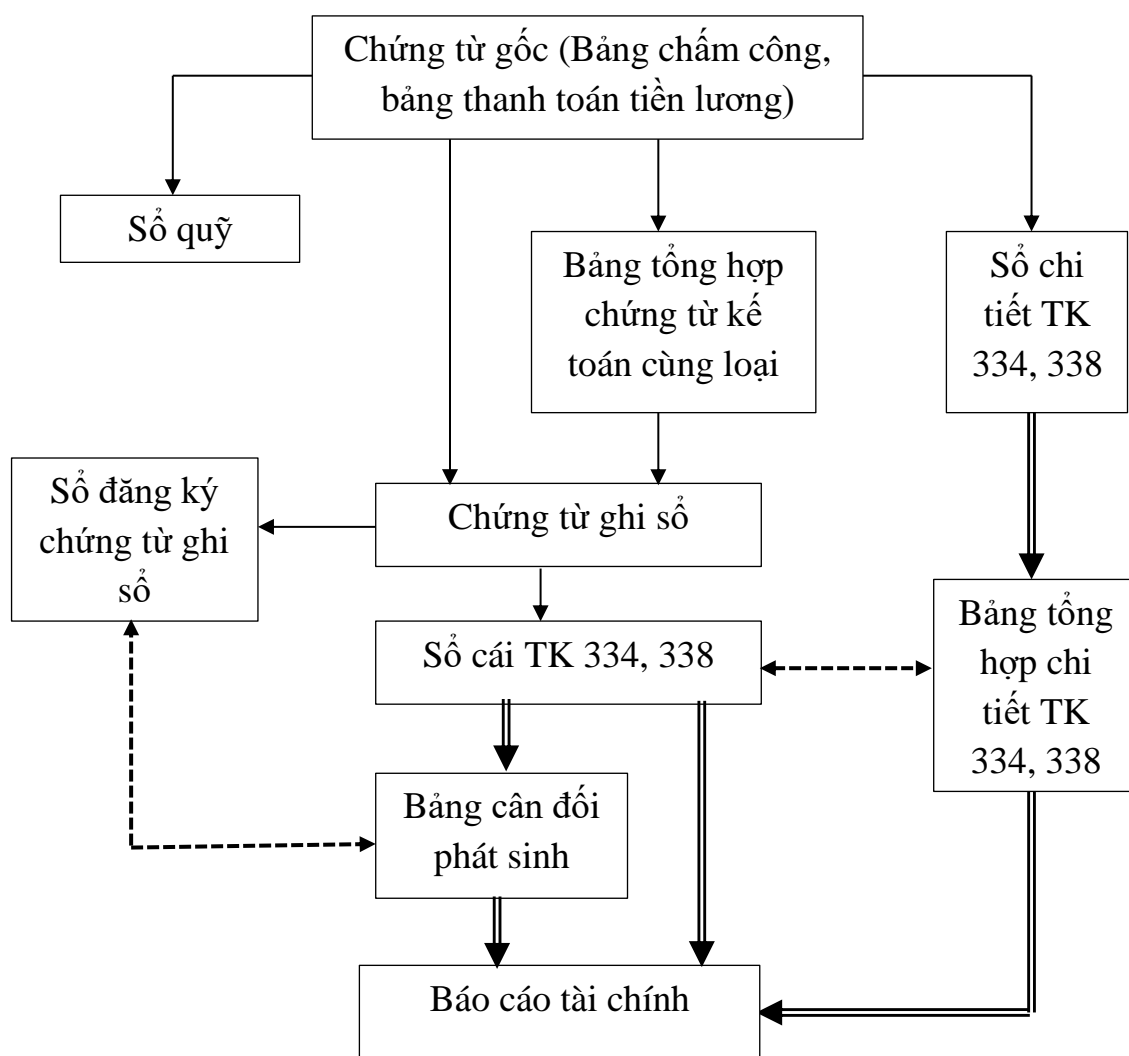
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra - - ->

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức nhật ký chung

1.4.2. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Chứng từ ghi sổ

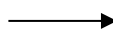
Các loại sổ sách kế toán thuộc hình thức này :

- Chứng từ ghi sổ: là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian.
- Sổ cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để kiểm tra, đối chiếu với số hiệu trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Các sổ hoặc thẻ chi tiết TK 334. 338. 111, 112, 642...



Ghi chú:

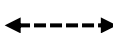
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu kiểm tra

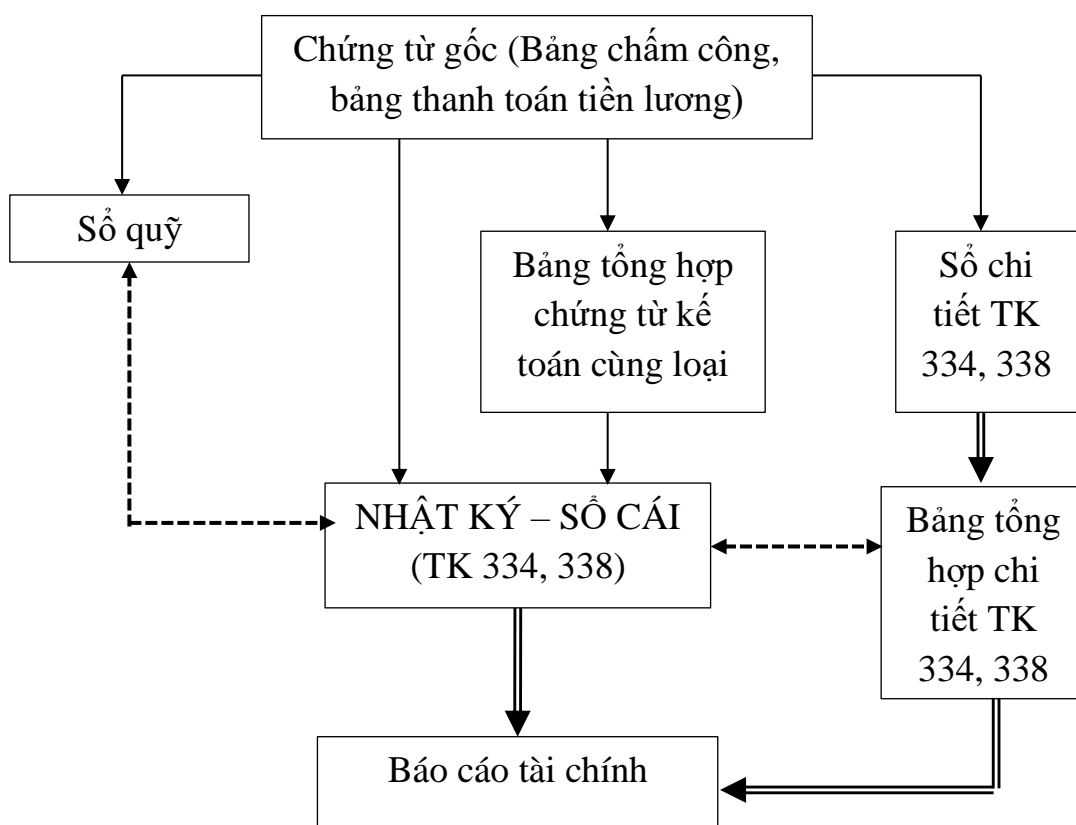


Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức chứng từ ghi sổ

1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Nhật ký - sổ cái

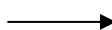
Theo hình thức này kế toán sử dụng các sổ:



- Sổ “Nhật ký- sổ cái” dùng để phản ánh tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng là trình tự thời gian và hệ thống hóa theo nội dung kinh tế.
- Các sổ hạch toán chi tiết: dùng phản ánh chi tiết, cụ thể từng đối tượng kế toán gồm sổ chi tiết như TK 334, TK 338, TK 111, TK 112...



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



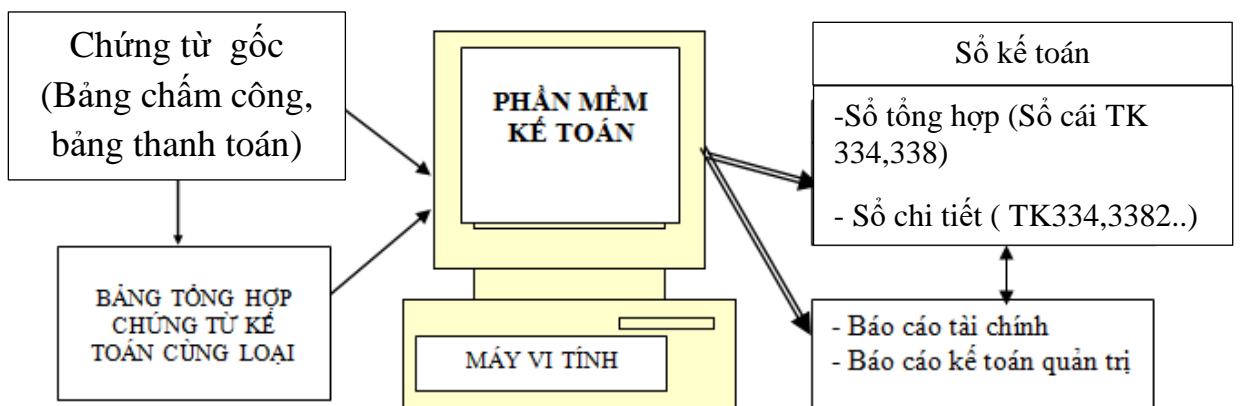
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ 
 Quan hệ đối chiếu kiểm tra 

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức nhật ký – sổ cái

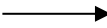

1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức Kế toán máy

Theo hình thức này, công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Tuy không thể hiện được đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng in được đầy đủ sổ kế toán báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ của hình thức ghi tay.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ 

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.

2.1.1. Thông tin cơ bản về công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

Tên công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.

Tên tiếng anh: Que Phong trading joint stock.

Tên viết tắt: Quế Phòng JSC.

Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0313570720

Fax: 031593073.

Mã số thuế: 0200572614

Vốn điều lệ của công ty cổ phần thương mại Quế Phòng là: 20.000.000.000 đồng.

Mệnh giá Cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số Cổ phần ; 200.000

Người đại diện theo pháp luật của công ty.

Chức danh: Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Quang Quế

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/10/1959

Dân tộc: kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh thư nhân dân.

Số: 030403080.

Ngày cấp: 05/06/2006

Nơi cấp: công an thành phố Hải Phòng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32 gác2 Trạng Trình, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chỗ ở hiện tại: Số 32 gác2 Trạng Trình, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- *Ngành nghề kinh doanh*

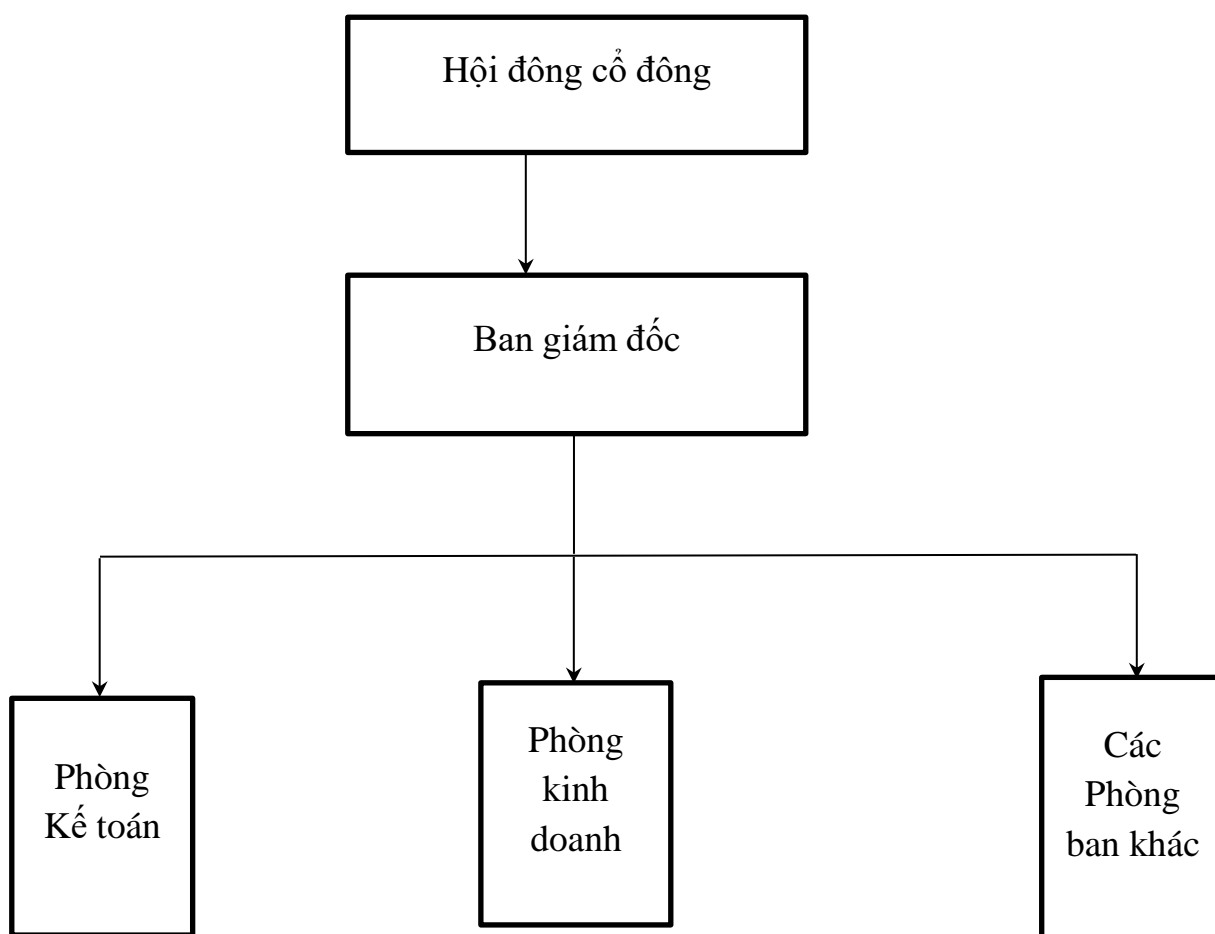
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662 (chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ chế biến, bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; buôn bán kính xây dựng; bán buôn sơn, vécni; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn ngũ kim, hàng kim khí	4663
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
5	Bốc xếp hàng hóa	5224
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
7	Gia công cơ khí: xử lý và phủ tráng kim loại	2592
8	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại	2512
10	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các hàng chuyên doanh; bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ kính xây trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa	8299

	được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	
15	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.

Công ty hoạt động chính trong khâu lưu thông phân phối hàng hóa, là đơn vị trung gian kết nối giữa sản xuất và tiêu dùng, hoạt động theo cơ chế thị trường với mục tiêu là tìm kiếm lợi nhuận. Thị trường chính mà công ty cung cấp là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng trong nước (tập trung chủ yếu ở Hải Phòng và các tỉnh lân cận). Ngoài ra, công ty còn xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư theo đúng ngành nghề được ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty cổ phần thương mại Quế Phòng



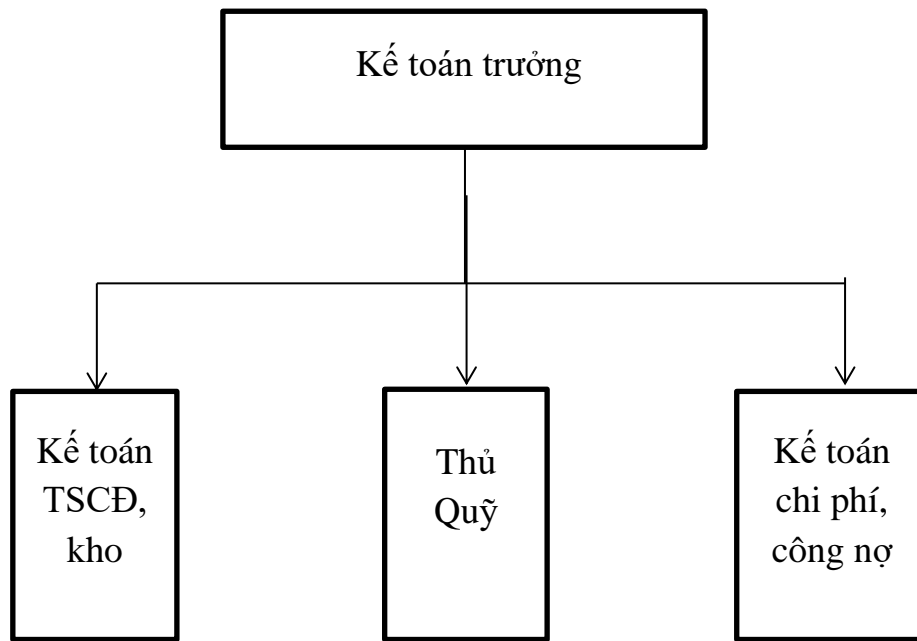
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Thương Mại Quế Phòng

- Hội đồng Cổ đông gồm:

ST T	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Văn Thìn	Cổ phần thông thường	48.000	4.800.000.000	48
2	Nguyễn Quang Quế	Cổ phần thông thường	12.000	1.200.000.000	12
3	Phạm Văn Phòng	Cổ phần thông thường	40.000	4.000.000.000	40

- Ban giám đốc: Người lãnh đạo cao nhất, điều hành quản lý chung, phê duyệt các quyết sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động, kết quả kinh doanh của công ty.
- Phòng kinh doanh: Chịu trách nhiệm tìm kiếm và liên hệ với các đối tác, tiếp thị, công tác kế hoạch hóa...
- Phòng kế toán: là phòng ban tham mưu cho giám đốc công ty về công tác tài chính kế toán. Đảm bảo phản ánh kịp thời chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và quản lý chung bảng lương cho toàn công ty.
- Các phòng ban khác: tham gia và hỗ trợ vào quá trình kinh doanh của công ty.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần thương mại Quế Phòng.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

- Kế toán trưởng có nhiệm vụ sau;
 - Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác kế toán của cá nhân hành đảm bảo theo các quy định của chế độ tài chính kế toán.
 - Chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác kế toán tài chính tại đơn vị.
 - Tổ chức bộ máy kế toán theo quy định nhà nước
 - Lập các báo cáo kế toán
 - Tham mưu giúp Giám đốc quản lý và thực hiện mọi mặt hoạt động về kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác kỹ thuật, pháp chế, bảo hiểm phương tiện, công tác văn thư lưu trữ.
 - Hoạch toán lương, thưởng, các khoản khấu trừ vào lương và các thu nhập khác.
 - Lập kế hoạch tín dụng, kế hoạch tiền mặt, TGNH, làm thủ thanh toán cho các đơn vị, đối tác với ngân hàng.
- Kế toán TSCĐ, kho có nhiệm vụ sau:
 - Hàng tháng tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo quy định nhà nước, chịu trách nhiệm phản ánh giá trị TSCĐ hiện có và phản ánh kịp thời TSCĐ hiện có trong quá trình sử dụng
 - Theo dõi tài khoản 156, tổng hợp các mặt hàng tồn trong kho.

- Kế toán chi phí, công nợ thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - Hàng ngày tiên hành kê khai thuế để làm nhiệm vụ với nhà nước. Kiểm tra đối chiếu sổ sách với các đơn vị,
 - Tiến hành nhập số liệu phát sinh hàng tháng để cuối kỳ lên báo cáo.
 - Theo dõi công nợ của công ty và công ty đối tác.
 - Tập hợp và phân bổ chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp và phân bổ chi phí mua hàng hóa
- Thủ quỹ có nhiệm vụ sau:
 - Thu chi tiền mặt, quản lý tiền mặt.
 - Quản lý và kiểm tra chứng từ, hàng ngày kiểm kê quỹ, đối chiếu sổ sách và ký vào sổ quỹ

2.1.5. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Doanh nghiệp đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016

Niên độ kế toán : từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VNĐ).

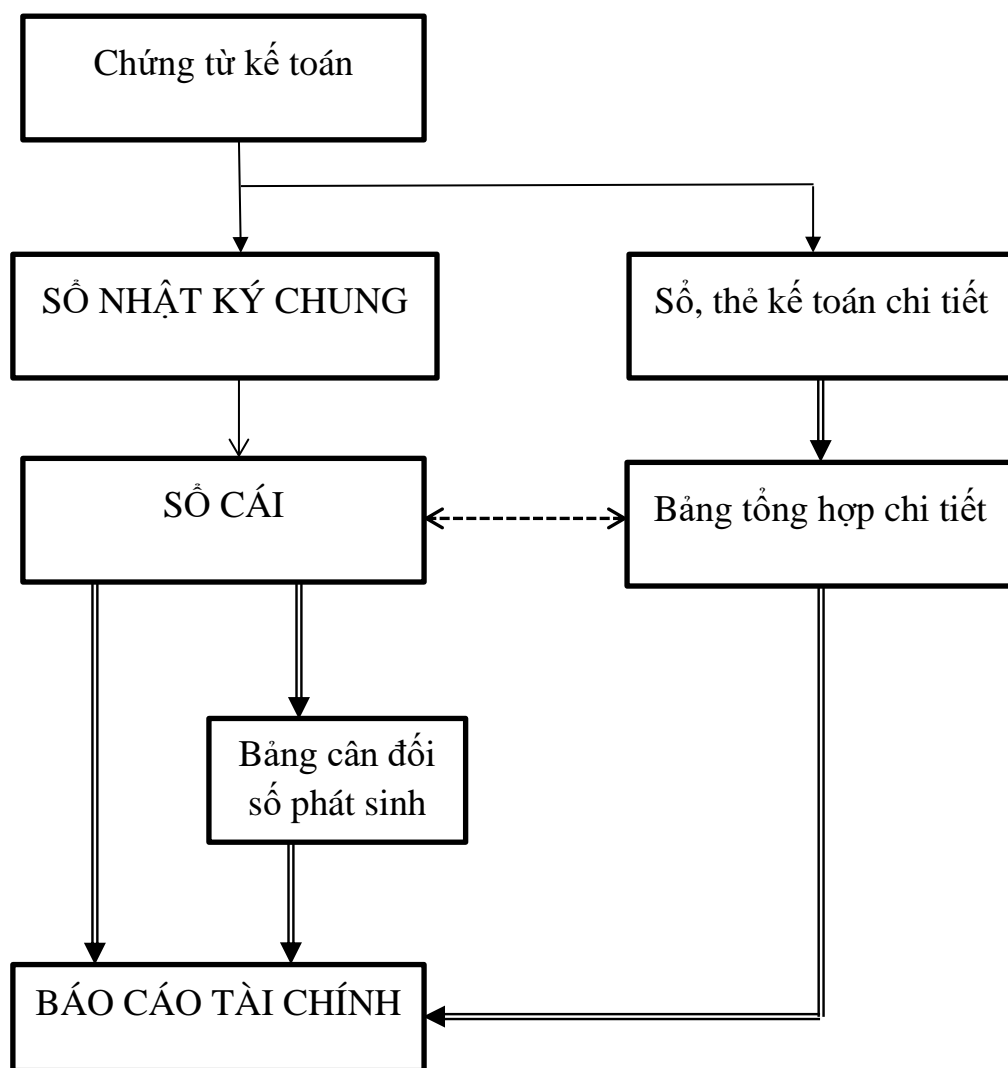
Phương pháp tính trị giá hàng nhập kho: Phương pháp giá trị thực tế.

Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Phương pháp tính GTGT: Phương pháp khấu trừ trực tiếp.

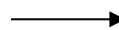
Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức kế toán Nhật ký chung.



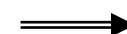
Sơ đồ 2.3: Hình thức nhật ký chung tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Trong đó:

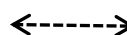
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

2.2.1. Tổ chức quản lý lao động tại công ty

Biểu 2.1: Cơ cấu lao động.

Chỉ tiêu	Tổng số lao động	Giới tính		Độ tuổi		Trình độ			
		Nam	Nữ	18->30	≥30	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Phổ thông
Số người	25	21	4	15	10	7	3	6	9
Tỷ trọng (%)	100	84	16	60	40	28	12	24	36

Vì công ty chuyên về mua bán sắt thép nên số lượng công nhân nam chiếm số lượng lớn 21 người (84%) để phụ trách giao nhận và bốc dỡ hàng hóa. Lao động nữ có 4 người (16%) chuyên về phụ trách công việc văn phòng và liên hệ khách hàng.

Về độ tuổi, chủ yếu độ tuổi lao động chính trong công ty là 18 => 30 tuổi chiếm 60% tỷ trọng lao động của công ty, đây là lực lượng lao động có sức khỏe tốt, có khả năng thích ứng và linh hoạt trong công việc. lao động ≥30 chiếm 40% tỷ trọng lao động, đa số là những người có kinh nghiệm và trình độ lao động cao trong công ty

Về trình độ, lao động chủ yếu trong công ty có trình độ là phổ thông và trung cấp. Qua đó ta thấy được trình độ lao động của công ty còn kém.

2.2.2. Quy trình kế toán tiền lương.

2.2.2.1. Hình thức trả lương tại công ty.

Hình thức trả lương chính trong công ty là hình thức trả lương theo thời gian. Theo hình thức này tiền lương chính được căn cứ vào thỏa thuận ban đầu được ký trong hợp đồng lao động.

Khi áp dụng hình thức trả lương này công ty sử dụng bảng chấm công, trong đó ghi ngày làm việc, nghỉ việc ca từng người. Mảng này do trưởng các phòng ban trực tiếp ghi. Định kỳ cuối tháng dùng để tổng hợp thời gian lao động và tính lương

- Công ty áp dụng chế độ ngày công như sau:
 - Số ngày trong năm: 360
 - Số ngày làm việc trong năm 312
 - Số giờ làm việc trong một ngày công là: 8 giờ/ngày
 - Ngoài ra còn chế độ ốm đau, thai sản ...
- Theo quy định của bộ luật Lao động thì người lao động có các ngày nghỉ được hưởng nguyên lương như sau:
 - Tết Dương lịch 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch)
 - Tết Âm lịch 05 ngày
 - Ngày Chiến thắng 01 ngày (ngày 30 tháng 4 dương lịch)
 - Ngày Quốc tế lao động (ngày 01 tháng 5 dương lịch)
 - Ngày Quốc khánh 01 ngày (ngày 02 tháng 9 dương lịch)
 - Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 01 ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch)
- Các loại phụ cấp sau:
 - Phụ cấp đi lại
 - Phụ cấp điện thoại
 - Phụ cấp ăn uống
 - Phụ cấp công việc

2.2.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng

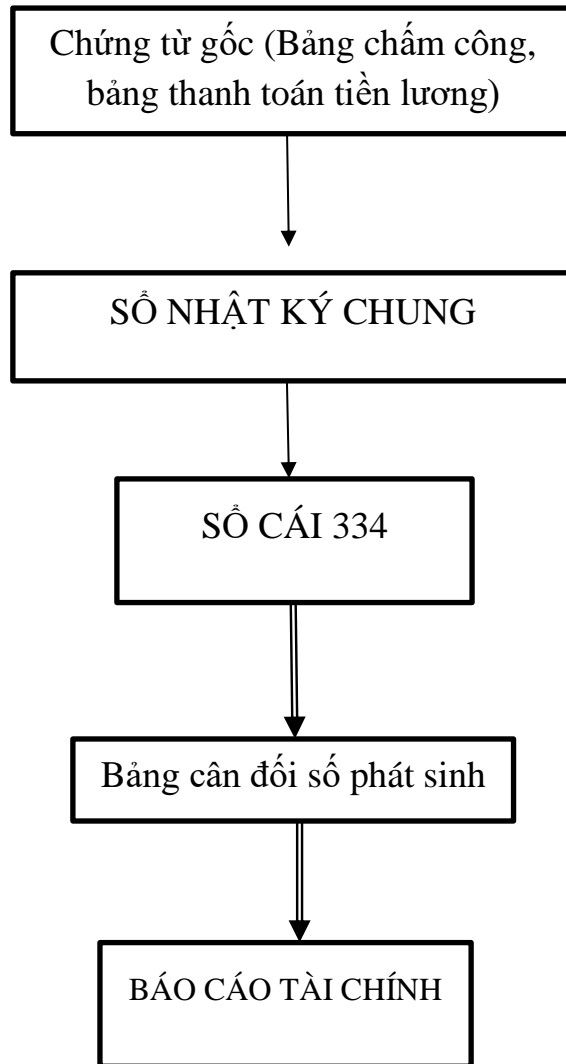
- Chứng từ sử dụng:
 - Bảng chấm công.
 - Bảng thanh toán lương.
- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 334: Phải trả người lao động.

Các tài khoản liên quan khác như: 642, 111, 112 ...

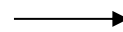
- Sổ sách sử dụng.
 - Sổ nhật ký chung
 - sổ cái tài khoản 334
 - Sổ chi tiết TK 334, TK 338
 - Bảng tổng hợp chi tiết TK 334, TK 338

2.2.2.3. Quy trình hạch toán



Trong đó:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ



Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán tiền lương tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Lương thực tế = $\frac{\text{Lương cơ bản}}{26}$ x ngày công

Tổng lương = Lương thực tế + Phụ cấp

Các khoản phụ cấp gồm:

- Phụ cấp đi lại: 200.000 đồng/tháng
- Phụ cấp điện thoại: 200.000 đồng/tháng
- Phụ cấp ăn 25.000 đồng/bữa.
- Phụ cấp đi lại 200.000 đồng/tháng

Lương thực lĩnh = Tổng lương – các khoản giảm trừ – tạm ứng

Các khoản giảm trừ gồm: BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN.

Thuế thu nhập cá nhân = (thu nhập chịu thuế - các khoản giảm trừ) * tỷ suất thuế TNCN

Các khoản giảm trừ để tính thuế TNCN

+ Giảm trừ gia cảnh: bản thân 11.000.000 đ/ tháng, người phụ thuộc 4.400.000đ/tháng

+ Các khoản bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN, và bảo hiểm nghề nghiệp trong một số lĩnh vực đặc biệt.

+ Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học,...

VD: tính tiền lương tháng 7 của nhân viên giao nhận Lê Minh Nam

Dựa theo hợp đồng lao động và bảng tính lương ta có

- Lương cơ bản: 6.000.000 đồng
- Ngày công theo quy định của công ty trong tháng 7 năm 2021 là 26 ngày
- Ngày công thực tế: 27 ngày

Qua đó Lương thực tế tháng 7 năm 2021 của nhân viên Lê Minh Nam là:

Lương thực tế = $\frac{6.000.000}{26}$ x 27 = 6.230.769 (đồng)

- Phụ cấp đi lại: 200.000 đồng/tháng
- Phụ cấp điện thoại: 200.000 đồng/tháng
- Phụ cấp ăn 25.000 đồng/bữa.
- Phụ cấp đi lại 200.000 đồng/tháng

Các khoản giảm trừ vào lương:

- BHXH = 6.000.000 x 8% = 480.000 (đồng)
- BHYT = 6.000.000 x 1,5% = 90.000 (đồng)
- BHTN = 6.000.000 x 1% = 60.000 (đồng)

Tổng các khoản giảm trừ = 480.000 + 90.000 + 60.000 = 630.000 (đồng)

Lương thực lĩnh tháng 7 năm 2021 của nhân viên Lê Minh Nam Là
 Lương thực lĩnh = 6.230.769 + 1.275.000 – 630.000 = 6.875.769 (đồng)

2.2.3. Quy trình kế toán các khoản trích theo lương

2.2.3.1. Các khoản trích theo lương trong năm 2021 tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng,

Biểu 2.1: Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

	Bảo hiểm xã hội			BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng các khoản bảo hiểm
	Hưu trí tử tuất	Ốm đau thai sản	Tai nạn lao động				
Doanh nghiệp đóng	14%	3%	0,5%	3%	1%	0%	21,5%
Trừ vào lương CNV	8%	0%	0%	1,5%	1%	0%	10.5%
Tổng cộng	22%	3%	0,5%	4,5%	2%	0%	32%

Biểu 2.2: Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn 01/07/2021 đến 30/09/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

	Bảo hiểm xã hội			BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng các khoản bảo hiểm
	Hưu trí tử tuất	Ốm đau thai sản	Tai nạn lao động				
Doanh nghiệp đóng	14%	3%	0%	3%	1%	0%	21%
Trừ vào lương CNV	8%	0%	0%	1,5%	1%	0%	10.5%
Tổng cộng	22%	3%	0%	4,5%	2%	0%	31.5%

Biểu 2.1: Tỷ lệ các khoản trích theo lương giai đoạn 01/10/2021 đến 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

	Bảo hiểm xã hội			BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng các khoản bảo hiểm
	Hưu trí tử tuất	Ôm đau thai sản	Tai nạn lao động				
Doanh nghiệp đóng	14%	3%	0,5%	3%	0%	0%	20%
Trừ vào lương CNV	8%	0%	0%	1,5%	1%	0%	10.5%
Tổng cộng	22%	3%	0,5%	4,5%	1%	0%	30.5%

2.2.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng:
- Bảng phân bổ lương tiền lương và các khoản trích theo lương vào chi phí

- Tài khoản sử dụng

TK 338: phải trả, phải nộp khác, TK này này được mở chi tiết:

- + TK3382: kinh phí công đoàn
- + TK3383: bảo hiểm xã hội
- + TK3384: bảo hiểm y tế
- + TK3388: phải trả phải nộp khác
- + TK3385: bảo hiểm thất nghiệp

- Sổ sách sử dụng.

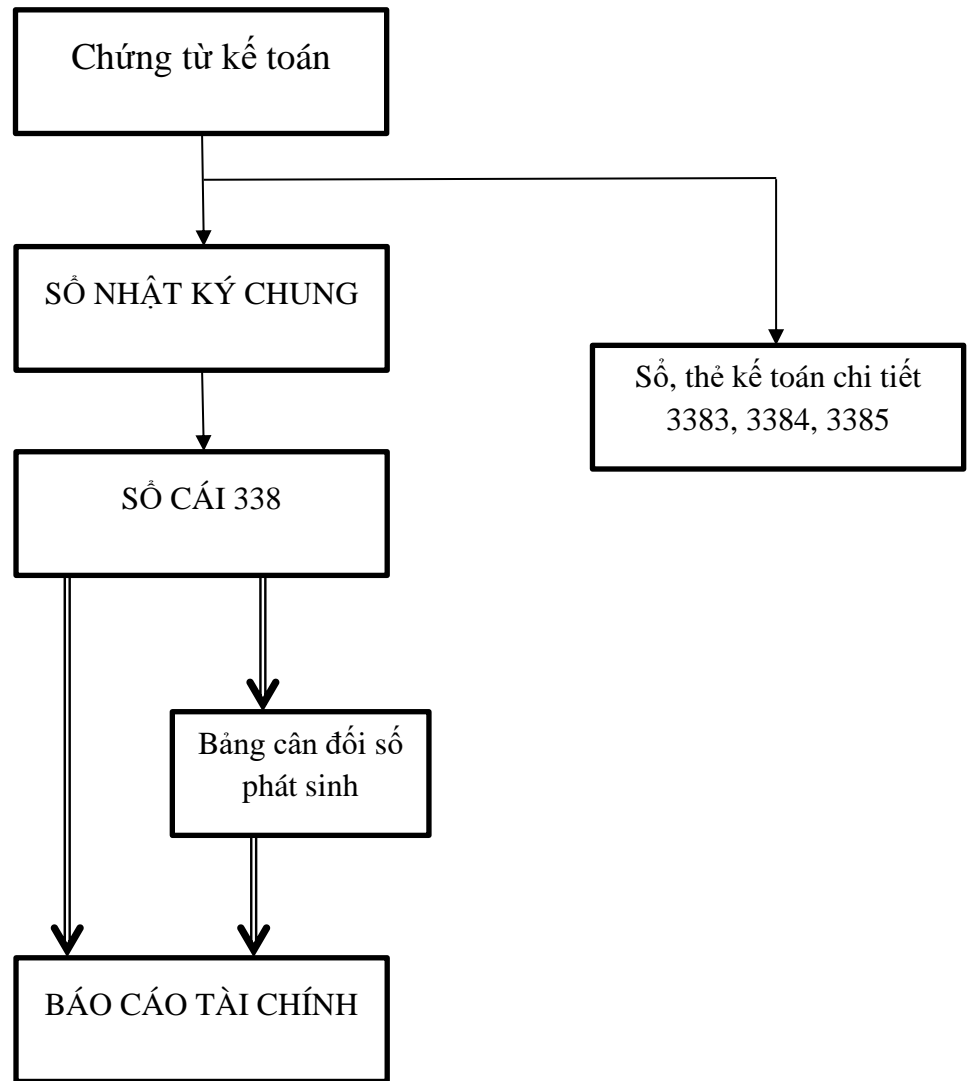
Sổ cái TK 338

Sổ chi tiết TK 338

Bảng tổng hợp chi tiết TK 338

Sổ Nhật Ký Chung.

2.2.3.3. Quy trình hạch toán



Trong đó:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ



2.2.4. Ví dụ của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Ngày 31/07/2021 công ty thực hiện tính lương tháng 7 cho cnv của công ty. Ngày 05/08/2021 công ty chi tiền mặt trả lương cho nhân viên và đóng bảo hiểm tháng 7.

Kế toán viên dùng bảng chấm công hàng ngày để làm cơ sở để tính tiền lương cho CNV qua đó lập bảng thanh toán tiền lương. Dựa theo bảng thanh toán kế toán viên lập bảng phân phối các khoản trích theo lương. dựa theo bảng thanh toán tiền lương và bảng phân phối các khoản trích theo lương kế toán viên sẽ nhập số liệu vào sổ nhật ký chung. Thông qua sổ nhật ký chung kế toán viên nhập vào sổ cái TK 334, 338. Ngoài ra, kế toán viên nhập số liệu sổ chi tiết tài khoản 3383, 3384, 3385 dùng để theo dõi các khoản trích theo lương.

Mẫu số C01a-HD

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2010/TT-BTC

ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính)

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 07 năm 2021

S T T	Họ và tên	Ngày trong tháng																														Quy ra công		Số ngày nghỉ hưởng lương	NC		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Số công hưởng lương thời gian			Số công nghỉ không lương	
		T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7					
1	Nguyễn Quang Quế	x	x	x		x	x	x	x	No	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	No	x		x	x	x	x	x	x	x	25	2	0	25
2	Phạm Văn Phòng	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	No	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	26	1	0	26
3	Lưu Văn Sán	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27
4	Phạm Thị Bằng	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27
5	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	P	x	x		x	x	x	x	x	x	x	26	0	1	27
6	Lê Minh Nam	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27
7	Lưu Văn Soái	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	P	x	x	x	27	0	1	27
8	Phạm Văn Bách	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27
9	Đỗ Quốc Hoàn	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27
10	Phạm Văn Kiên	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27
11	Nguyễn Quang Thái	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27
12	Nguyễn Ngọc Danh	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	27	0	0	27

13	Nguyễn Văn Quyết	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
14	Nguyễn Ngọc Thành	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
15	Nguyễn Quốc Vân	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
16	Vũ Văn Phong	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	P	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	1	27
17	Trần Đức Bằng	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
18	Phạm Văn No	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
19	Trần Thị Thu Hương	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
20	Phạm Văn Dân	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
21	Trần Thị Ngân	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
22	Đông Xuân Huân	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	P	x		27	0	1	27
23	Nguyễn Việt Cường	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
24	Phạm Văn Quyết	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27
25	Nguyễn Việt Danh	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		27	0	0	27

Ngày 31 tháng 07 năm 2021

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Phòng Tổ chức Hành chính
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Lương thời gian: x
Ôm, điều dưỡng Ô
Con ốm: Cô
Thai sản: Ts

Tai nạn: T
Nghỉ phép: P
Nghỉ nửa ngày: N
Nghỉ Bù: Nb

Nghỉ lễ: L
Nghỉ không Lương: No
Ngừng việc: N
Lao động nhĩ vụ Lđ

Nguyễn Quang Quế

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 7 năm 2021

ST T	Họ và tên	Chức danh	Ngày công	Lương cơ bản	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Bảo hiểm			Thực lĩnh	Ký nhận
								BHXH	BHYT	BHTN		
1	Nguyễn Quang Quế	GD	25	9.000.000	8.653.846	1.275.000	9.928.846	720.000	135.000	90.000	8.983.846	
2	Phạm Văn Phòng	PGĐ	26	9.000.000	9.000.000	1.275.000	10.275.000	720.000	135.000	90.000	9.330.000	
3	Lưu Văn Sán	Kinh doanh	27	7.000.000	7.269.230	1.275.000	8.544.230	560.000	105.000	70.000	7.809.230	
4	Phạm Thị Bằng	Kế toán trưởng	27	8.500.000	8.826.923	1.275.000	10.101.923	680.000	127.500	85.000	9.209.423	
5	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán	27	7.000.000	7.269.230	1.275.000	8.544.230	560.000	105.000	70.000	7.809.230	
6	Lê Minh Nam	Giao nhận	27	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769	
7	Lưu Văn Soái	Lái xe	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
8	Phạm Văn Bách	Lái xe	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
9	Đỗ Quốc Hoàn	Giao Nhận	27	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769	
10	Phạm Văn Kiên	Kinh doanh	27	8.000.000	8.307.692	1.275.000	9.582.692	640.000	120.000	80.000	8.742.692	
11	Nguyễn Quang Thái	Kinh doanh	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
12	Nguyễn Ngọc Danh	Phụ kho	27	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769	
13	Nguyễn Văn Quyết	Phụ kho	27	5.500.000	5.711.538	1.275.000	6.986.538	440.000	82.500	55.000	6.409.038	
14	Nguyễn Ngọc Thành	Phụ Cầu	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
15	Nguyễn Quốc Vân	Phụ kho	27	5.500.000	5.711.538	1.275.000	6.986.538	440.000	82.500	55.000	6.409.038	
16	Vũ Văn Phong	Phụ cầu	27	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769	

17	Trần Đức Bằng	Lái cầu	27	7.000.000	7.269.230	1.275.000	8.544.230	560.000	105.000	70.000	7.809.230	
18	Phạm Văn No	Phụ kho	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
19	Trần Thị Thu Hương	Bàn cân	27	7.500.000	7.788.462	1.275.000	9.063.462	600.000	112.500	75.000	8.275.962	
20	Phạm Văn Dàn	Phụ cầu	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
21	Trần Thị Ngân	Kế toán kho	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
22	Đông Xuân Huân	Phụ kho	27	5.500.000	5.711.538	1.275.000	6.986.538	440.000	82.500	55.000	6.409.038	
23	Nguyễn Việt Cường	Lái cầu	27	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500	
24	Phạm Văn Quyết	Kinh doanh	27	5.000.000	5.192.308	1.275.000	6.467.308	400.000	75.000	50.000	5.942.308	
25	Nguyễn Việt Danh	Kinh doanh	27	5.000.000	5.192.308	1.275.000	6.467.308	400.000	75.000	50.000	5.942.308	
	Tổng cộng			165.500.000	170.826.919	31.875.000	202.701.919	13.240.000	2.482.500	1.655.000	185.324.419	

Người lập
(Ký, Họ tên)

Kế toán
(Ký, Họ tên)

Giám đốc
(Ký, Họ tên)

Nguyễn Quang Quế

Mẫu số 02 – TT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 08 năm 2021

Quyển số:

Số: PC0000432

Nợ: 334

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Bằng

Địa chỉ: ...

Lý do chi: Trả lương CNV tháng 7

Số tiền: 185.324.419 đồng

Viết bằng chữ: Một trăm tám mươi năm triệu ba trăm hai mươi tư nghìn bốn
trăm mười chín đồng

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 05 Tháng 08 Năm 2021

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nộp tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Nguyễn Quang Quế

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm tám mươi năm triệu ba trăm hai
mươi tư nghìn bốn trăm mười chín đồng

Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải phòng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG BỘ PHẬN QLDN

Tháng 7 năm 2021

ST T	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ bản	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Bảo hiểm			Thực lĩnh
							BHXH	BHYT	BHTN	
1	Nguyễn Quang Quế	GD	9.000.000	8.653.846	1.275.000	9.928.846	720.000	135.000	90.000	8.983.846
2	Phạm Văn Phòng	PGĐ	9.000.000	9.000.000	1.275.000	10.275.000	720.000	135.000	90.000	9.330.000
3	Lưu Văn Sán	Kinh doanh	7.000.000	7.269.230	1.275.000	8.544.230	560.000	105.000	70.000	7.809.230
4	Phạm Thị Bằng	Kế toán trưởng	8.500.000	8.826.923	1.275.000	10.101.923	680.000	127.500	85.000	9.209.423
5	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán	7.000.000	7.269.230	1.275.000	8.544.230	560.000	105.000	70.000	7.809.230
6	Phạm Văn Kiên	Kinh doanh	8.000.000	8.307.692	1.275.000	9.582.692	640.000	120.000	80.000	8.742.692
7	Nguyễn Quang Thái	Kinh doanh	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
8	Trần Thị Thu Hương	Bàn cân	7.500.000	7.788.462	1.275.000	9.063.462	600.000	112.500	75.000	8.275.962
9	Trần Thị Ngân	Kế toán kho	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
10	Phạm Văn Quyết	Kinh doanh	5.000.000	5.192.308	1.275.000	6.467.308	400.000	75.000	50.000	5.942.308
11	Nguyễn Việt Danh	Kinh doanh	5.000.000	5.192.308	1.275.000	6.467.308	400.000	75.000	50.000	5.942.308
	Tổng cộng		79.000.000	80.999.999	14.025.000	95.024.999	6.320.000	1.185.000	790.000	86.729.999

Người lập

(Ký, Họ tên)

Kế toán

(Ký, Họ tên)

Giám đốc

(Ký, Họ tên)

Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải phòng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG BỘ PHẬN BÁN HÀNG

Tháng 7 năm 2021

ST T	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ bản	Lương thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Bảo hiểm			Thực lĩnh
							BHXH	BHYT	BHTN	
1	Lê Minh Nam	Giao nhận	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769
2	Lưu Văn Soái	Lái xe	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
3	Phạm Văn Bách	Lái xe	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
4	Đỗ Quốc Hoàn	Giao Nhận	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769
5	Nguyễn Ngọc Danh	Phụ kho	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769
6	Nguyễn Văn Quyết	Phụ kho	5.500.000	5.711.538	1.275.000	6.986.538	440.000	82.500	55.000	6.409.038
7	Nguyễn Ngọc Thành	Phụ Cầu	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
8	Nguyễn Quốc Vân	Phụ kho	5.500.000	5.711.538	1.275.000	6.986.538	440.000	82.500	55.000	6.409.038
9	Vũ Văn Phong	Phụ cầu	6.000.000	6.230.769	1.275.000	7.505.769	480.000	90.000	60.000	6.875.769
10	Trần Đức Bằng	Lái cầu	7.000.000	7.269.230	1.275.000	8.544.230	560.000	105.000	70.000	7.809.230
11	Phạm Văn No	Phụ kho	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
12	Phạm Văn Dân	Phụ cầu	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
13	Đông Xuân Huân	Phụ kho	5.500.000	5.711.538	1.275.000	6.986.538	440.000	82.500	55.000	6.409.038
14	Nguyễn Việt Cường	Lái cầu	6.500.000	6.750.000	1.275.000	8.025.000	520.000	97.500	65.000	7.342.500
	Tổng Cộng		86.500.000	89.826.920	17.850.000	107.676.920	6.920.000	1.297.500	865.000	98.594.420

Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải phòng

BẢNG PHÂN BỐ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 07 năm 2021

S T T	Bộ phận	Tổng lương cơ bản	BHXH			BHYT			BHTN			KPC Đ	Tổng cộng
			Trích vào chi phí (17%)	Khấu trừ vào lương (8%)	Tổng cộng	Trích vào chi phí (3%)	Khấu trừ vào lương (1.5%)	Tổng cộng	Trích vào chi phí (1%)	Khấu trừ vào lương (1%)	Tổng cộng		
1	QLDN	79.000.000	13.430.000	6.320.000	19.750.000	2.370.000	1.185.000	3.555.000	790.000	790.000	1.580.000	0	24.885.000
2	Bán hàng	86.500.000	14.705.000	6.920.000	21.625.000	2.595.000	1.297.500	3.892.500	865.000	865.000	1.730.000	0	27.247.500
	Tổng Cộng	165.500.000	28.135.000	13.240.000	41.375.000	4.965.000	2.482.500	7.447.500	1.655.000	1.655.000	3.310.000	0	52.132.500

Người lập

(Ký, Họ tên)

Kế toán

(Ký, Họ tên)

Giám đốc

(Ký, Họ tên)

Nguyễn Quang Quế

Mẫu số 02 – TT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 08 năm 2021

Quyển số:.....

Số: PC0000433

Nợ: 338

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Bằng

Địa chỉ: ...

Lý do chi: Nộp bảo hiểm tháng 7

Số tiền: 52.132.500 đồng

Viết bằng chữ: Năm mươi hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

Ngày 05 Tháng 08 Năm 2021

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nộp tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Nguyễn Quang Quế

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

(trích)

Đơn vị: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
...
31/07/2021	BL07	31/07/2021	Tính lương cho CNV		6421	107.676.920	
					6422	95.024.999	
					334		202.701.919
31/07/2021	BPBTT L07	31/07/2021	Tính các khoản trích theo lương		6421	18.165.000	
					6422	16.590.000	
					334	17.377.500	
					3383		41.375.000
					3384		7.447.500
					3385		3.310.000
...
05/08/2021	PC432	05/08/2021	Trả lương tháng 7 cho CNV		334	185.324.419	
					111		185.324.419
05/08/2021	PC433	05/08/2021	Đóng bảo hiểm tháng 7		338	52.132.500	
					111		52.132.500
...
			Tổng cộng			1.001.228.343.	1.001.228.343.
						187	187

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2021

Tên tài khoản: phải trả người lao động

Số hiệu: 334

(trích)

Đơn vị: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi NKC	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
			...				
31/07/ 2021	BL07	31/07/ 2021	Tính lương tháng 7 cho CNV		6421		107.676.920
					6422		95.024.999
31/07/ 2021	BPBTT L07	31/07/ 2021	Trích BHXH trừ vào lương CNV		3383	13.240.000	
			Trích BHYT trừ vào lương CNV		3384	2.482.500	
			Trích BHTN trừ vào lương CNV		3385	1.655.000	
...
05/08/ 2021	PC433	05/08/ 2021	Thanh toán lương tháng 7 cho CNV		111	185.324.419	
...
			Cộng phát sinh			2.565.157.325	2.565.157.325
			Số dư cuối kỳ				

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2021

Tên tài khoản: Phải trả phải nộp khác

Số hiệu: 338

(trích)

Đơn vị: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi NKC	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
			...				
31/07/ 2021	BL07	31/07/ 2021	Tính các khoản trích theo lương tháng 7 cho CNV		6421		18.165.000
					6422		16.590.000
					334		17.377.500
...
05/08/ 2021	PC433	05/08/ 2021	Đóng bảo hiểm tháng 7 cho CNV		111	52.132.500	
...
			Cộng phát sinh			612.685.000	612.685.000
			Số dư cuối kỳ				

Mẫu số: S19 – DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2021

Tên tài khoản: Bảo hiểm xã hội

Số hiệu: 3383

(trích)

Đơn vị: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...
31/07 /2021	BPBT TL07	31/07 /2021	Trích BHXH tính vào chi phí QLDN	6422		13.430.000		13.430.000
			Trích BHXH tính vào chi phí bán hàng	6421		14.705.000		28.135.000
			Trích BHXH tính vào lương CNV	334		13.240.000		41.375.000
...		
05/08 /2021	PC433	05/08 /2021	Đóng BHXH tháng 7 cho CNV	111	41.375.000			-
...
			Cộng phát sinh		478.500.000	478.500.000		
			Số dư cuối kỳ					-

Mẫu số: S19 – DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2021

Tên tài khoản: Bảo hiểm y tế

Số hiệu: 3384

(trích)

Đơn vị: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...
31/07 /2021	BPBT TL07	31/07 /2021	Trích BHYT tính vào chi phí QLDN	6422		2.370.000		2.370.000
			Trích BHYT tính vào chi phí bán hàng	6421		2.595.000		4.965.000
			Trích BHYT tính vào lương CNV	334		2.482.500		7.447.500
...		
05/08 /2021	PC433	05/08 /2021	Đóng BHYT tháng 7 cho CNV	111	7.447.500			-
...
			Cộng phát sinh		82.375.000	82.375.000		
			Số dư cuối kỳ					-

Mẫu số: S19 – DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2021

Tên tài khoản: Bảo hiểm thất nghiệp

Số hiệu: 3385

(trích)

Đơn vị: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...
31/07 /2021	BPBT TL07	31/07 /2021	Trích BHTN tính vào chi phí QLDN	6422		790.000		790.000
			Trích BHTN tính vào chi phí bán hàng	6421		865.000		1.655.000
			Trích BHTN tính vào lương CNV	334		1.655.000		3.310.000
...		
05/08 /2021	PC433	05/08 /2021	Đóng BHTN tháng 7 cho CNV	111	3.310.000			-
...		
			Cộng phát sinh		39.680.000	39.680.000		
			Số dư cuối kỳ					-

CHƯƠNG 3:
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG
VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

3.1. Nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.

3.1.1. Ưu điểm.

- Hệ thống chứng từ kế toán trong kế toán tiền lương và các nghiệp vụ khác trong công ty được tổ chức một cách hợp lý, tuân thủ theo đúng nguyên tắc ghi chép, luân chuyển chứng từ của chế độ kế toán hiện hành. Các chứng từ kế toán được lập đầy đủ, được ghi chép, theo dõi và kiểm tra thường xuyên.
- Trong quá trình tính lương tính lương luôn đảm bảo tính chính xác, thống nhất trong các tháng và giữa các tháng trong năm. Phương pháp tính đơn giản, dễ hiểu, dễ làm. Việc ghi chép số liệu chứng từ gốc vào các sổ sách kế toán đảm bảo chính xác, hợp lý và đúng quy định.
- Công tác quản lý nhân sự chặt chẽ, có đối chiếu việc chấm công với thống kê lao động đảm bảo tính công bằng đối với người lao động. Với những CNV nghỉ hưởng lương BHXH được theo dõi sát sao.
- Thực hiện trích nộp đầy đủ các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, thuế thu nhập cá nhân là thực hiện tốt nghĩa vụ của công ty đối với Nhà nước.
- Công ty trả lương cho nhân viên bằng tiền mặt luôn đúng thời hạn quy định. Luôn có hỗ trợ, tạm ứng lương cho những trường hợp nhân viên gặp khó khăn.

3.1.2. Nhược điểm.

- Công tác chấm công còn đơn giản, bảng chấm công chỉ thể hiện được số ngày đi làm và số ngày nghỉ chưa phản ánh được việc đi sớm về muộn của công nhân viên.
- Việc trả lương theo thời gian đối với bộ phận bán hàng không tạo được động lực và khuyến khích họ làm việc và tăng năng suất.
- Công ty chưa có xây dựng chế độ tiền thưởng hợp lý cho người lao động để khuyến khích họ trong công việc.
- Công ty chưa có chế độ trích kinh phí công đoàn.

- Chưa có quy định về thời gian làm tăng ca, làm thêm giờ.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương luôn là một trong những hoạt động quan trọng trong doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, tiền lương luôn được coi là công cụ để doanh nghiệp có thể tái sản xuất sức lao động, kích thích và nâng cao năng suất sản xuất qua đó góp phần nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp. Đối với công nhân, tiền lương là nguồn thu nhập giúp duy trì cải thiện chất lượng cuộc sống, các khoản trích theo lương là những quyền lợi mà công nhân có thể hưởng khi tham gia quá trình lao động. Chính vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương luôn là việc quan tâm hàng đầu trong doanh nghiệp. Qua những nhận xét và đánh giá ở phần trên ta có thể thấy công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong công ty cổ phần thương mại Quế Phòng mặc dù đã được thực hiện cẩn thận và nghiêm túc nhưng vẫn còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Sau một thời gian được thực tập và tham gia công tác kế toán của công ty em xin được đưa ra những đề xuất để hoàn thành công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty như sau:

Đề xuất 1: Bộ phận bán hàng chuyển phương pháp tính lương từ trả lương theo thời gian thành trả lương theo doanh thu.

Hiện nay bộ phận bán hàng của công ty đang được trả lương theo thời gian, điều này khiến cho nhân viên bộ phận bán hàng không phát huy được khả năng của nhân viên và không công bằng trong việc trả lương cho người làm nhiều so với người làm ít. Khi chuyển sang trả lương theo doanh thu, sẽ kích thích nhân viên bán hàng nâng cao doanh thu cá nhân của từng người, tạo nên sự công bằng trong việc trả lương của từng cá nhân.

- Công thức tính lương theo doanh thu:

Lương doanh thu = Lương cứng hàng tháng + % doanh số bán hàng.

Trong đó:

Lương cứng hàng tháng: Là khoản lương được thỏa thuận ngay từ đầu theo chính sách của công ty.

Ví dụ:

Giả sử nhân viên giao nhận Lê Minh Nam có Lương cơ bản là 6.000.000 (đồng) thỏa thuận % doanh thu được hưởng theo thỏa thuận là 1%. Thực tế trong tháng

doanh số của công ty là 100.000.000 (đồng) thì lương của nhân viên giao nhận Lê Minh Nam là: $6.000.000 + 1\% \times 100.000.000 = 7.000.000$ (đồng)

Đề xuất 2: trang bị cho công ty thiết bị chấm công để hỗ trợ công tác chấm công thêm chính xác qua đó là căn cứ để đưa ra quyết định trong việc tính lương và đưa ra lương thưởng một cách hợp lý.

Đề xuất 3: Công ty nên xây dựng chế độ tiền thưởng hợp lý.

Tiền thưởng là một trong những công cụ góp phần nâng cao năng suất lao động của công nhân viên, tiền thưởng cũng là cách khiến cho công nhân viên công hiến, có trách nhiệm với công việc và công ty. Hiện nay, công ty cổ phần thương mại Quế phòng chưa có quy định rõ ràng trong việc thưởng cho công nhân viên, Vì vậy, công ty lên xây dựng chế độ thưởng hợp lý và đưa ra quy định trong việc xếp loại hoàn thành công việc.

Ví dụ:

Công ty có thể xét khen thưởng theo tiêu chí sau:

- Nhân viên đi làm đầy đủ.
- Nhân viên hoàn thành công việc theo kế hoạch đề ra.
- Nhân viên hoàn thành công việc vượt kế hoạch đề ra

Nếu nhân viên đạt được 1 trong 3 tiêu chí xét loại C, nhân viên đạt được 2 trong 3 tiêu chí xếp loại B, nhân viên đạt được cả 3 tiêu chí xếp loại A.

Loại A: thưởng 30% lương cơ bản

Loại B: thưởng 20% lương cơ bản

Loại C: thưởng 10% lương cơ bản

DANH SÁCH XÉT THƯỞNG

Tháng ... năm...

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Loại	Tiền thưởng	Ký nhận
1	Lưu Văn Soái	Lái xe	6.500.000	A	1.950.000	
2	Phạm Văn Bách	Lái xe	6.500.000	B	1.300.000	
3	Nguyễn Ngọc Thành	Phụ cầu	6.500.000	C	650.000	
...	
	Tổng cộng					

Ngày... tháng ... năm...

Người lập
(Ký, Họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Họ tên)

Giám đốc
(Ký, Họ tên)

- Định khoản:

Nợ TK 353: Quỹ khen thưởng phúc lợi

Có TK 334: Phải trả người lao động

Đề xuất 4: Công ty thực hiện chế độ trích kinh phí công đoàn.

Kinh phí công đoàn là nguồn tài trợ cho hoạt động đoàn ở các cấp và theo pháp luật hiện hành thì kinh phí công đoàn được trích theo tỷ lệ 2% trên tổng số tiền lương mà đơn vị sử dụng lao động phải trả cho người lao động. Khi trích kinh phí này thì ½ sẽ được nộp cho công đoàn cấp trên và ½ để lại cho hoạt động công đoàn ở doanh nghiệp.

Công đoàn là tổ chức chính trị – xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động, Công đoàn có vai trò là đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của người lao động.

Căn cứ điều 4 Nghị định 191/2013/NĐ-CP quy định đối tượng đóng kinh phí công đoàn như sau:

“Điều 4: Đối tượng đóng kinh phí công đoàn

Đối tượng đóng kinh phí công đoàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật công đoàn là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà không phân biệt cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó đã có hay chưa có tổ chức công đoàn cơ sở, bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước (kể cả Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn), đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.
2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập.
4. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.
5. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật hợp tác xã.
6. Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có liên quan đến tổ chức và hoạt động công đoàn, văn phòng điều hành của phía nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam có sử dụng lao động là người Việt Nam.
7. Tổ chức khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.”

Vì vậy công ty cổ phần thương mại Quế Phòng cần thực hiện trích kinh phí công đoàn theo đúng quy định nhà nước.

Ví dụ trích Kinh phí công đoàn tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng tháng 7 như sau:

Nợ TK 6422: 1.580.000

Nợ TK 6421: 1.730.000

Có TK 3382: 3.310.000

ĐỀ XUẤT 5: Thêm quy định tăng ca và làm thêm giờ.

Thời gian tăng ca, làm thêm giờ được tính trên tổng thu nhập của người lao động đã góp phần kích thích tinh thần làm việc, tăng thu nhập cho người lao động. Chính vì vậy công ty nên xây dựng quy định tăng ca, làm thêm giờ hợp lý dựa trên quy định của nhà nước:

+ Lương làm thêm giờ

Tiền lương làm thêm giờ	=	Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường	x	Mức ít nhất 150% hoặc 200% hoặc 300%	x	Số giờ làm thêm
-------------------------	---	--	---	--------------------------------------	---	-----------------

Cụ thể:

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;
- Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;
- Vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.

+ Làm việc vào ban đêm

Tiền lương làm việc vào ban đêm	=	Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường	+	Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường	x	Mức ít nhất 30%	x	Số giờ làm việc vào ban đêm
---------------------------------	---	--	---	--	---	-----------------	---	-----------------------------

KẾT LUẬN

Công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương luôn là vấn đề quan trọng trong công ty. Đảm bảo thực hiện tốt công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tốt và phân bổ chính xác sẽ giúp doanh nghiệp hạ thấp giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động và tăng lợi nhuận cho công ty. Chính vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương luôn là yêu cầu hàng đầu đối với doanh nghiệp.

Để hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Kế toán viên phải luôn nắm bắt kịp thời chế độ mới ban hành của nhà nước và bộ tài chính. Ngoài ra, Doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện để phản ánh đầy đủ chính xác việc trả lương cho từng bộ phận cá nhân người lao động. Trả lương phải xứng đáng với năng suất, chất lượng công việc và công hiến của người lao động.

Chính vì vậy, em làm bài khóa luận này với mục đích sau:

- Nêu ra những cơ sở lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện nay.
- Nêu lên công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty cổ phần thương mại Quế Phòng,
- Chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.
- Đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

Trong suốt quá trình thực tập, nghiên cứu và tìm hiểu với sự giúp đỡ nhiệt tình của phòng kế toán của công ty cổ phần thương mại Quế Phòng và sự hướng dẫn cẩn thận của giáo viên hướng dẫn cô Nguyễn Thị Thúy Hồng đã giúp em hoàn thiện khóa luận “ Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty cổ phần thương mại Quế Phòng”. Tuy nhiên do còn nhiều hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn ít nên trong bài báo cáo của em còn nhiều thiếu sót, em mong được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận tốt nghiệp của em có thể hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!